

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SMART BUILDING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SMART BUILDING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMART BUILDING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SMART BUILDING INVESTMENT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110297593

**3. Ngày thành lập:** 24/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 345 phố Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969741881

Fax:

Email: [ducnt1101@gmail.com](mailto:ducnt1101@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hoá<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4610     |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Loại trừ hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng)           | 4662     |
| 5.  | Trồng lúa                                                                                            | 0111     |
| 6.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                              | 0112     |
| 7.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                         | 0113     |
| 8.  | Trồng cây mía                                                                                        | 0114     |
| 9.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                                                                        | 0115     |
| 10. | Trồng cây lấy sợi                                                                                    | 0116     |
| 11. | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                            | 0117     |
| 12. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                 | 0118     |
| 13. | Trồng cây hàng năm khác                                                                              | 0119     |
| 14. | Trồng cây ăn quả                                                                                     | 0121     |
| 15. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                              | 0128     |
| 16. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                         | 0161     |
| 17. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                            | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                            | 8299        |
| 19. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                             | 6810(Chính) |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản.                                                                                   | 6820        |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                                       | 7020        |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc và bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước...                                                                            | 7110        |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng và các mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                                                                                      | 4690        |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                     | 4791        |
| 25. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). | 4799        |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                         | 4933        |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                       | 5210        |
| 28. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Dịch vụ lưu trú cho khách du lịch, khách trọ tại khách sạn; biệt thự du lịch (resort); phòng hoặc căn hộ khách sạn; nhà khách, nhà nghỉ; nhà trọ, phòng trọ ...                                 | 5510        |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                      | 4101        |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                          | 4211        |
| 32. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                           | 4212        |
| 33. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn. – Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu                                                                                           | 4229        |
| 34. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm hoạt động rà, phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm hoạt động rà, phá bom, mìn)                                                                                                                                                                        | 4312        |

|     |                       |      |
|-----|-----------------------|------|
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
|-----|-----------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 79.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 7.900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>TRỌNG ĐỨC  | Số 345 phố Trần<br>Cung, Phường Cổ<br>Nhuê 1, Quận Bắc<br>Từ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.580.0<br>00 | 15.800.000.000           | 20,000       | 0010970135<br>28                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     | Tổng số                            | 1.580.0<br>00 | 15.800.000.000           | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>THU HÀ | Tổ dân phố Lâm<br>Hạ, Thị trấn Quất<br>Lâm, Huyện Giao<br>Thủy, Tỉnh Nam<br>Định, Việt Nam          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.580.0<br>00 | 15.800.000.000           | 20,000       | 0363040029<br>79                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     | Tổng số                            | 1.580.0<br>00 | 15.800.000.000           | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                  |                           |           |                |        |              |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN CHIỀU | Tổ dân phố Hạ Chính, Thị trấn Quất Lâm, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 4.740.000 | 47.400.000.000 | 60,000 | 036078018431 |
|   |                  |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                  | Tổng số                   | 4.740.000 | 47.400.000.000 | 60,000 |              |
|   |                  |                                                                                  |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/01/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001097013528

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 345 phố Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 345 phố Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội